

Số: /GPMT-KCNKKT Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam tại Văn bản số 01/VBGT-HF ngày 20 tháng 4 năm 2026 về việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất món tráng miệng dạng bột với quy mô 957 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất nước trái cây dạng bột với quy mô 1.365 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất cà ri dạng viên, cà ri dạng khối nén với quy mô 2.385 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn với quy mô 03 tấn sản phẩm/năm” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam, địa chỉ tại Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất món tráng miệng dạng bột với quy mô 957 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất nước trái cây dạng bột với quy mô 1.365 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất cà ri dạng viên, cà ri dạng khối nén với quy mô 2.385 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn với quy mô 03 tấn sản phẩm/năm” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất món tráng miệng dạng bột với quy mô 957 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất nước trái cây dạng bột với quy mô 1.365 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất cà ri dạng viên, cà ri dạng khối nén với quy mô 2.385 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn với quy mô 03 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3602703340, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10 tháng 10 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5434345185, chứng nhận lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2012, chứng nhận thay đổi lần thứ mười bảy ngày 27 tháng 10 năm 2025, chứng nhận hiệu đính lần thứ nhất ngày 21 tháng 01 năm 2026 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3602703340.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất thực phẩm.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: diện tích 15.150,3 m².

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như Dự án nhóm B (Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tiêu chí về môi trường: Cơ sở có tiêu chí như Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Công suất:

+ Sản xuất món tráng miệng dạng bột, quy mô 957 tấn sản phẩm/năm;

+ Sản xuất nước trái cây dạng bột, quy mô 1.365 tấn sản phẩm/năm;

+ Sản xuất cà ri dạng viên, cà ri dạng khối nén quy mô 2.385 tấn sản phẩm/năm; các loại bột rau củ, quy mô 150 tấn sản phẩm/năm.

+ Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn, quy mô 03 tấn sản phẩm/năm.

- Quy trình sản xuất món tráng miệng dạng bột: *Nguyên liệu (Đường) →*

Nghiền → Trộn (cùng các nguyên liệu khác) → Chiết bao → Đóng gói → Thành phẩm.

- Quy trình công nghệ sản xuất nước trái cây dạng bột: *Nguyên liệu (đường) → Nghiền → Trộn (cùng các nguyên liệu khác) → Chiết bao → Đóng gói → Thành phẩm.*

- Quy trình công nghệ sản xuất cà ri dạng viên: *Nguyên liệu → Cân → Chế biến → Kiểm tra → Định lượng → Làm lạnh → Đóng gói → Dò kim loại → Đóng hộp → Đóng thùng → Thành phẩm.*

- Quy trình công nghệ sản xuất cà ri dạng khối nén: *Nguyên liệu → Cân → Chế biến → Kiểm tra → Định lượng → Hàn miệng túi → Làm lạnh → Dò kim loại → Đóng thùng → Thành phẩm.*

- Quy trình sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn như sau: *Nguyên liệu → Sơ chế → Cân → Nấu → Chiết rót → Làm mát → Đông lạnh → Dò kim loại → Đóng thùng → Thành phẩm.*

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam:

1. Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện

pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày tháng năm 2036).

Điều 4. Giao Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Long Bình;
- Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hoà;
- Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Website Ban Quản lý các KCN, KKT;
- Lưu: VT, MT (Tuyệt).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Phạm Việt Phương

PHỤ LỤC 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNKKT
 ngày tháng năm 2026 của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp,
 Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Nước thải phát sinh từ cơ sở được thu gom xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp Long Bình (Amata) trước khi đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Long Bình (Amata) theo Hợp đồng thuê bất động sản ngày 23 tháng 02 năm 2012 và Phụ lục Hợp đồng số 04 ký ngày 24 tháng 02 năm 2026 giữa Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam với Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hoà, không xả trực tiếp ra môi trường và tuân thủ theo Giấy phép môi trường của Khu công nghiệp Long Bình (Amata).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom nước mưa, nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh:

- Nước thải sinh hoạt từ bồn rửa tay, nhà vệ sinh của công nhân viên, người lao động (văn phòng, nhà xưởng) được thu gom theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải cục bộ công suất 16 m³/ngày.đêm để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Long Bình (Amata).

- Nước thải từ quá trình rửa nguyên vật liệu sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn được thu gom về 01 bể tách dầu mỡ với thể tích 2,8 m³, sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải cục bộ công suất 16 m³/ngày.đêm để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Long Bình (Amata).

- Nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc thiết bị, bồn trộn, đường ống dẫn cho sản xuất món tráng miệng, nước trái cây dạng bột được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải cục bộ công suất 16 m³/ngày.đêm để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Long Bình (Amata).

- Nước thải quá trình rửa giặt đồ bảo hộ công nhân viên được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải cục bộ công suất 16 m³/ngày.đêm để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Long Bình (Amata).

- Nước thải từ quá trình xả đáy lò hơi được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải cục bộ công suất 10 m³/ngày.đêm để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Long Bình (Amata).

- Nước thải từ thiết bị xử lý mùi khu vực sản xuất cà ri được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải cục bộ công suất 10 m³/ngày.đêm để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Long Bình (Amata).

- Nước thải từ vệ sinh máy móc thiết bị, bồn trộn, đường ống dẫn cho sản xuất cà ri được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải cục bộ công suất

10m³/ngày.đêm để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Long Bình (Amata).

- Nước thải từ tháp giải nhiệt, làm lạnh được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải cục bộ công suất 10 m³/ngày.đêm để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Long Bình (Amata).

Vị trí đầu nối nước thải tại hố ga trên đường số 12. Tọa độ điểm đầu nối (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3⁰): X=1211525.69; Y=406036.26.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tách dầu mỡ: 01 bể, thể tích là 2,8 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải: 02 hệ thống.

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 16m³/ngày.đêm: *Nước thải → Song chắn rác → Hố thu/tách chất nổi → Bể điều hoà → Bể khử Nitơ → Bể Nitrat hoá → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể chứa nước ra → Đầu nối vào vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Bình (Amata).*

+ Công suất thiết kế: 16 m³/ngày.đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương): Methanol, FeCl₃, NaOH.

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 10m³/ngày.đêm: *Nước thải → Song chắn rác → Bể chứa nước thải thô → Bể phản ứng → Bồn điều chỉnh pH → Bể tạo bông → Bể tuyển nổi → Bể xả thải → Đầu nối vào vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Bình (Amata).*

+ Công suất thiết kế: 10 m³/ngày.đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương): PAC, Polymer, NaOH.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thiết kế, xây dựng hệ thống xử lý nước thải đáp ứng được nhu cầu xử lý nước thải trong trường hợp lưu lượng nước thải cao nhất.

- Thiết kế, xây dựng đường ống thoát nước mưa để ngăn không cho nước mưa chảy tràn vào hố thu gom nước thải, gây quá tải hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị hệ thống xử lý nước thải. Đồng thời, khắc phục ngay sự cố nhỏ để không ảnh hưởng đến toàn bộ quá trình xử lý của hệ thống;

- Trang bị các máy móc, thiết bị dự phòng khi có sự cố hư hỏng. Các máy móc, thiết bị sẽ được nhanh chóng thay thế chạy luân phiên nhằm đảm bảo hệ thống xử lý hoạt động thường xuyên.

- Thường xuyên theo dõi và kiểm tra chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt giới hạn đầu nổi nước thải của Khu công nghiệp Long Bình (Amata).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp Long Bình (Amata) và biện pháp kiểm soát, giám sát nước thải theo thỏa thuận với Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp, không được xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu theo Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của khu công nghiệp và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.5. Bố trí công trình xử lý nước thải đảm bảo quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt.

3.6. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNKKT
ngày tháng năm 2026 của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp,
Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, mùi từ khu vực sản xuất cà ri.
- Nguồn số 02: Mùi từ khu vực sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.
- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ công đoạn nghiền nguyên liệu sản xuất món tráng miệng, nước trái cây dạng bột (thiết bị xử lý đi kèm máy, không có ống thải).
- Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ công đoạn cân của sản xuất món tráng miệng, nước trái cây dạng bột (thiết bị xử lý đi kèm máy, không có ống thải).
- Nguồn số 05: Bụi phát sinh từ công đoạn trộn của sản xuất món tráng miệng, nước trái cây dạng bột (thiết bị xử lý đi kèm máy, không có ống thải).
- Nguồn số 06: Bụi phát sinh từ công đoạn định lượng của sản xuất món tráng miệng, nước trái cây dạng bột (thiết bị xử lý đi kèm máy, không có ống thải).
- Nguồn số 07: Khí thải từ lò hơi 1 (sử dụng nhiên liệu gas LPG, không có hệ thống xử lý khí thải).
- Nguồn số 08: Khí thải từ lò hơi 2 (sử dụng nhiên liệu gas LPG, không có hệ thống xử lý khí thải).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°):

- Dòng khí thải số 01 (tương ứng từ nguồn số 01): Ống thải sau hệ thống xử lý bụi, mùi từ công đoạn sản xuất cà ri công suất $3.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$, tọa độ vị trí xả khí thải: $X=1211569.93$; $Y = 405997.03$.
- Dòng khí thải số 02 (tương ứng từ nguồn số 02): Ống thải sau hệ thống xử lý mùi sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn công suất $2.200 \text{ m}^3/\text{giờ}$, tọa độ vị trí xả khí thải: $X = 1211539.90$; $Y = 406015.97$.

Vị trí xả khí thải trong khuôn viên của Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam tại Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $3.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $2.200 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường

qua ống thải, xả liên tục theo ca sản xuất.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2024/BTNMT (cột B). Cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
			QCVN 19:2024/ BTNMT, cột B		
I	Dòng khí thải số 01 và 02				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Nhiệt độ	°C	-		
3	Bụi	mg/Nm ³	≤ 80		
4	CO	mg/Nm ³	≤ 400		
5	SO ₂	mg/Nm ³	≤ 300		
6	NO _x	m ³ /giờ	≤ 400		
7	Methyl mercaptan	mg/Nm ³	≤ 12		
8	H ₂ S	mg/Nm ³	≤ 7		

Ghi chú:

- Đối với các nguồn thải không phát sinh dòng khí thải (nguồn số 03 đến nguồn số 08) phải đảm bảo môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định của pháp luật hiện hành.

- Chủ cơ sở phải thường xuyên kiểm tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2024/BTNMT (cột B) (trong trường hợp chưa xác định được phân vùng môi trường).

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1 Mạng lưới thu gom khí thải.

- Nguồn số 01: Bụi, mùi được thu gom bằng đường ống kín dẫn về hệ thống xử lý bụi, mùi khu vực sản xuất cà ri công suất 3.500 m³/giờ để xử lý sau đó thoát ra ngoài môi trường qua ống thải.

- Nguồn số 02: Bụi, mùi được thu gom bằng đường ống kín dẫn về hệ thống xử lý mùi từ khu vực sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn công suất 2.200 m³/giờ

để xử lý sau đó thoát ra ngoài môi trường qua ống thải.

- Nguồn số 03: Bụi được thu gom bằng đường ống kín dẫn về hệ thống xử lý bụi công suất 20 m³/giờ (không có ống thải).

- Nguồn số 04: Bụi được thu gom bằng đường ống kín dẫn về hệ thống xử lý bụi công suất 20 m³/giờ (không có ống thải).

- Nguồn số 05: Bụi được thu gom bằng đường ống kín dẫn về hệ thống xử lý bụi công suất 40 m³/giờ (không có ống thải).

- Nguồn số 06: Bụi được thu gom bằng đường ống kín dẫn về hệ thống xử lý bụi công suất 10 m³/giờ (không có ống thải).

- Nguồn số 07: Khí thải từ lò hơi 1 thoát ra ngoài qua ống thải (không có công trình xử lý).

- Nguồn số 08: Khí thải từ lò hơi 2 thoát ra ngoài qua ống thải (không có công trình xử lý).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải.

1.2.1. Hệ thống xử lý bụi, mùi từ khu vực sản xuất cà ri (Nguồn số 01): 01 hệ thống.

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Bụi, mùi → Chụp hút, ống thu gom → Thiết bị scrubber → Quạt hút → Ống thải.*

- Công suất thiết kế: 3.500 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước.

1.2.2. Hệ thống xử lý bụi mùi từ khu vực sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (Nguồn số 02): 01 hệ thống.

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Bụi mùi → Chụp hút, ống thu gom → Thiết bị tách dầu → Lọc than hoạt tính → Quạt hút → Ống thải.*

- Công suất thiết kế: 2.200 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính.

1.2.3. Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn nghiền (Nguồn số 03): 01 hệ thống.

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Bụi → Chụp hút, ống thu gom → Thiết bị lọc bụi → Quạt hút → Môi trường xung quanh.*

- Công suất thiết kế: 20 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Lọc bụi polyester.

1.2.4. Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn cân (Nguồn số 04): 01 hệ thống.

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Bụi → Chụp hút, ống thu gom → Thiết bị lọc bụi → Quạt hút → Môi trường xung quanh.*

- Công suất thiết kế: 20 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Lọc bụi polyester.

1.2.5. Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn trộn (Nguồn số 05): 01 hệ thống.

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Bụi → Chụp hút, ống thu gom → Thiết bị lọc bụi → Quạt hút → Môi trường xung quanh.*

- Công suất thiết kế: 40 m³/giờ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Lọc bụi polyester.

1.2.6. Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn định lượng (Nguồn số 06): 01 hệ thống.

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Bụi* → *Chụp hút, ống thu gom* → *Thiết bị lọc bụi* → *Quạt hút* → *Môi trường xung quanh*.

- Công suất thiết kế: 10 m³/giờ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Lọc bụi polyester.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Nguyên vật liệu, thiết bị lắp đặt cho hệ thống xử lý bụi, khí thải có độ bền cao và chống ăn mòn;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị hệ thống xử lý bụi, khí thải. Đồng thời, khắc phục ngay sự cố nhỏ để không ảnh hưởng đến toàn bộ quá trình xử lý của hệ thống;

- Dự phòng các thiết bị dễ hư hỏng như quạt hút, bơm để thay thế trong trường hợp hư hỏng đột xuất;

- Bố trí nhân sự được đào tạo, nắm vững quy trình vận hành hệ thống xử lý khí thải và có trách nhiệm theo dõi, phát hiện kịp thời các dấu hiệu bất thường của hệ thống.

- Trong trường hợp hệ thống xử lý bụi, khí thải gặp sự cố, nhân viên vận hành hệ thống phải lập tức báo cáo cấp trên và tiến hành giải quyết các sự cố. Nếu sự cố không tự khắc phục được, hệ thống xử lý bụi, khí thải không thể vận hành, cơ sở sẽ dừng hoạt động nhằm đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất. Sau khi sự cố được khắc phục và đảm bảo hiệu quả xử lý mới đi vào hoạt động trở lại.

- Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của công nhân tại hệ thống không chế ô nhiễm để kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Đối với các nguồn phát sinh khí thải không có công trình xử lý khí thải, không có dòng thải, chủ cơ sở phải đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.5. Bố trí công trình xử lý khí thải đảm bảo quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt.

PHỤ LỤC 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNKKT
ngày tháng năm 2026 của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp,
Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ khu vực hệ thống xử lý nước thải, công suất 10m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 02: Từ khu vực hệ thống xử lý nước thải, công suất 16m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 03: Từ phòng nghiền đường cho sản xuất món tráng miệng, nước trái cây dạng bột.
- Nguồn số 04: Từ phòng nghiền đường, muối cho sản xuất cà ri.
- Nguồn số 05: Từ khu vực máy nén khí.
- Nguồn số 06: Từ khu vực lắp đặt hệ thống xử lý bụi, mùi của khu vực sản xuất cà ri.
- Nguồn số 07: Từ khu vực lắp đặt hệ thống xử lý mùi sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107°45', múi chiều 3⁰)

- Nguồn số 01: X = 1211522.98; Y = 406017.89
- Nguồn số 02: X = 1211525.46; Y = 406016.47.
- Nguồn số 03: X = 1211598.21; Y = 406015.92.
- Nguồn số 04: X = 1211588.12; Y = 406025.23.
- Nguồn số 05: X = 1211577.97; Y = 405988.47.
- Nguồn số 06: X = 1211569.93; Y = 405997.03.
- Nguồn số 07: X = 1211539.90; Y = 406015.97.

3. Tiếng ồn: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2025/BNMT và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc theo QCVN 24:2016/BYT.

TT	QCVN 26:2025/ BNNMT			QCVN 24:2016/ BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06 giờ đến trước 18 giờ) (dBA)	Tối (18 giờ đến 22 giờ) (dBA)	Đêm (22 giờ đến trước 06 giờ) (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L_{aeq})-dBA		
1	70	65	60	8	85	-	Khu vực E

4. Độ rung: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2025/BTNMT.

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06 giờ đến 22 giờ)	Đêm (22 giờ đến trước 06 giờ)		
1	75	70	-	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Bố trí luân phiên nhóm công nhân làm việc tại khu vực có mức ồn cao.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, bảo trì đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNKKT
ngày tháng năm 2026 của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp,
Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu thải từ quá trình bảo trì máy móc	17 02 03	Lỏng	NH	50
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	NH	15
Tổng khối lượng					65

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Can thiếc	-	Rắn	-	33.500
2	Bao bì đóng gói, giấy carton, giấy vụn	18 01 05	Rắn	TT-R	18.000
3	Nylon, nhựa thải, cuộn nhựa thải	18 01 06	Rắn	TT-R	500
4	Bao bì gỗ thải (thùng, pallet gỗ, lót pallet)	18 01 07	Rắn	TT-R	5.000
Tổng khối lượng					57.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Nhóm chất thải rắn	Khối lượng (Tấn/năm)
1	Chất thải thực phẩm	3
2	Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế	10

3	Chất thải rắn sinh hoạt khác	2,6
Tổng khối lượng		15,6

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	KS	60
2	Bùn thải từ quá trình xử lý sinh học nước thải công nghiệp	12 06 05	Bùn	KS	14.304
3	Thùng chứa dầu bằng kim loại	18 01 02	Rắn	KS	10
4	Bao tay, giẻ lau, vải bảo vệ nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	KS	80
Tổng khối lượng					14.454

Ghi chú: Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện phân định, phân loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng có dán tên, mã CTNH và ký hiệu cảnh báo theo quy định.

2.1.2. Khu lưu giữ CTNH:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 25 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho CTNH bố trí tại khu vực đảm bảo quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt, có tường gạch bao quanh, mái tôn che, nền bê tông chống thấm và dán nhãn cảnh báo nguy hiểm. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại vào các các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: gồm bao bì, thùng chứa, bảo đảm phù hợp với từng loại chất thải phát sinh.

2.2.2. Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: 25 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường bố trí tại khu vực đảm bảo quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt; có vách bao quanh, mặt sàn đảm bảo kín khít, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa từ bên ngoài chảy vào; có mái che kín nắng mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: gồm thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 8 lít đến 240 lít, đặt tại các khu vực nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng làm việc và khu vực đường nội bộ xung quanh nhà máy.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Thiết kế, cấu tạo: các thùng nhựa 120 lít, 240 lít, 660 lít có nắp đậy, đặt tại khu vực tập trung chất thải sinh hoạt, nền bê tông.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành cơ sở đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lắp đặt đầy đủ hệ thống báo cháy, ngăn cháy và trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, quy mô và đặc điểm hoạt động của cơ sở; bảo đảm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và vận hành theo phương án phòng cháy chữa cháy đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn phòng cháy và chữa cháy hiện hành.

4. Các yêu cầu chung khác

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; có trách nhiệm công khai và thông báo cho Công ty Cổ phần Địa ốc Thảo Điền, Ủy ban nhân dân xã Nhơn Trạch về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại khoản 2 Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Trong quá trình hoạt động nếu có xảy ra sự cố môi trường, Chủ cơ sở phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Công ty Cổ phần Đô Thị Amata Biên Hoà, Ủy ban nhân dân phường Long Bình (nơi xảy ra sự cố), Ban chỉ huy phòng thủ dân sự và Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 4 Điều 11 Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ. Chủ cơ sở chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNKKT

ngày tháng năm 2026 của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; xây dựng; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với người lao động làm việc cho cơ sở; đồng thời thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định.

4. Thực hiện chương trình quản lý, quan trắc, giám sát môi trường theo nội dung được cấp giấy phép và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở và các quy định pháp luật hiện hành. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất.

5. Thực hiện trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi của cơ sở (nếu có).

6. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật được

nêu tại Giấy phép môi trường này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra./.

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,
KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI**